

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước, Công ty Cơ khí – Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là thực hiện các hợp đồng xây dựng cho các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Huỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tám	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2023
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày 06 tháng 7 năm 2023 là Ông Khiếu Mạnh Tuấn và từ ngày 07 tháng 7 năm 2023 đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tám.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0576/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 chưa được phân loại theo công dụng của tài sản. Thời gian khấu hao của các tài sản này đang ước tính là 30 năm mà chưa khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích của từng tài sản. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Một số khoản công nợ phải thu khách hàng, nợ phải trả người bán chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng liên quan với số tiền tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023 lần lượt là 86.436.065.379 VND và 38.120.621.112 VND (Số đầu năm: 108.361.252.408 VND và 90.432.044.927 VND). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra kết luận về các khoản công nợ nêu trên, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa thực hiện việc đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu các bên liên quan để làm cơ sở trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Ngoài ra, Công ty cũng chưa xem xét trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu các đối tượng khác đã quá hạn thanh toán từ trên 6 tháng đến dưới 3 năm. Với các tài liệu đã được cung cấp, chúng tôi không đủ cơ sở để ước tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi phải trích lập bổ sung.

Công ty chưa thực hiện kiểm kê, đánh giá giá trị sản lượng dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 để làm cơ sở xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày này. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra kết luận về khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) chưa hạch toán lãi phạt và phí phạt đối với khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Giang với số tiền 42.453.737.387 VND. Ban lãnh đạo Công ty con tin tưởng có thể đàm phán với Ngân hàng để được miễn khoản lãi và phí phạt nêu trên. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng Công ty Cổ phần Someco Hà Giang có được miễn khoản lãi và phí phạt nêu trên hay không. Nếu Công ty ghi nhận khoản lãi và phí phạt này, chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” và chỉ tiêu “Chi phí khác” sẽ tăng lên số tiền 42.453.737.387 VND.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về khoản lỗ thuần 20.956.197.949 VND của nhóm Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 268.847.296.288 VND, vốn chủ sở hữu âm 130.649.575.044 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 320.227.678.231 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.890.099.107	511.537.210.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.080.162.410	9.649.395.502
1. Tiền	111		5.080.162.410	9.649.395.502
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		419.200.000	400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		419.200.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.461.154.627	305.309.347.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	228.534.720.983	231.627.073.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.424.842.270	22.343.350.070
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.659.332.458	2.659.332.458
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	75.519.409.891	75.061.014.035
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(27.677.150.975)	(26.381.422.077)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		156.018.362.656	175.048.290.689
1. Hàng tồn kho	141	V.8	156.018.362.656	175.048.290.689
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.911.219.414	21.130.176.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	173.907.225	293.869.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.737.312.189	20.836.306.935
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.264.139.126	275.981.733.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	48.000.000	48.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		227.241.208.526	231.700.358.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	225.621.208.526	230.080.358.729
<i>Nguyên giá</i>	222		389.621.725.761	389.621.725.761
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(164.000.517.235)	(159.541.367.032)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(555.809.000)	(555.809.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.850.075.998	36.903.941.812
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	36.830.075.998	36.883.941.812
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.343.362.428	6.547.941.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.095.649.507	6.295.172.819
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	247.712.921	252.768.287
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		753.154.238.233	787.518.944.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		883.803.813.277	896.503.479.265
I. Nợ ngắn hạn	310		802.117.777.338	812.823.443.334
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	153.263.087.283	158.735.380.537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	79.407.265.589	79.947.040.607
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	73.856.981.156	74.560.543.709
4. Phải trả người lao động	314		12.308.735.593	12.707.785.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	92.607.142.112	110.621.017.616
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	197.844.518.949	183.004.928.540
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	190.974.527.093	191.356.527.101
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.855.519.563	1.890.219.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		81.686.035.939	83.680.035.931
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	81.660.570.861	83.654.570.853
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(130.649.575.044)	(108.984.535.118)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(130.649.575.044)	(108.984.535.118)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(268.847.296.288)	(247.891.098.339)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(247.891.098.339)	(247.891.098.339)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(20.956.197.949)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		393.831.118	1.102.673.095
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		753.154.238.233	787.518.944.147

Người lập biểu



Chu Trường Giang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	37.037.156.056	50.869.323.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.037.156.056	50.869.323.143
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.129.183.705	42.514.275.916
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.907.972.351	8.355.047.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		23.965.037	5.449.170
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	15.474.880.217	12.553.331.839
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.474.880.217	12.465.053.673
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(53.865.814)	(82.646.222)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	7.170.308.041	847.056.662
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.767.116.684)	(5.122.538.326)
12. Thu nhập khác	31		-	78.873.676
13. Chi phí khác	32	VI.5	3.892.867.876	876.915.596
14. Lợi nhuận khác	40		(3.892.867.876)	(798.041.920)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(21.659.984.560)	(5.920.580.246)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.055.366	5.055.366
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.665.039.926)	(5.925.635.612)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(20.956.197.949)	(6.162.132.972)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(708.841.977)	236.497.360
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(2.509)	(738)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	(2.509)	(738)

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Chu Trường Giang

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(21.659.984.560)	(5.920.580.246)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	4.459.150.203	3.549.674.082
- Các khoản dự phòng	03		1.295.728.898	(4.804.437.174)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	18.278.166
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	15.474.880.217	12.465.053.673
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(430.225.242)	5.307.988.501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.800.675.219)	2.044.388.398
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.029.928.033	(6.150.286.475)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.296.858.533)	13.385.209.235
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		319.485.541	332.172.794
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(358.770.822)	(4.508.261.610)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(108.216.850)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(34.700.000)	(35.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.680.033.092)	10.375.710.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.200.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.506.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.486.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	44.000.000	7.770.580.864
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18b	(2.420.000.000)	(19.762.308.936)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.376.000.000)	(11.991.728.072)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.569.233.092)	(1.616.017.229)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.649.395.502	7.707.789.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(18.278.166)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.080.162.410	6.073.493.989

Người lập biểu

Chu Trường Giang

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Một số công trình như Thạch Nham, Rào Trăng 4, Công ty ký hợp đồng với đơn giá cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thi công giá vật tư tăng rất cao dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ;

Nhiều công trình đơn vị thi công xong từ rất lâu như Nậm Chiến 1, Xekaman 3 ... Công ty đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, công tác thanh toán chủ đầu tư rất chậm làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, dẫn đến chi phí lãi vay rất lớn.

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc

Trong kỳ, không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,87%	89,87%	89,87%	89,87%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty này là 24% và 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn theo cam kết (số đầu năm là 24% và 67%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 142 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 154 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nhóm Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Nhóm Công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Riêng công nợ với bên liên quan được trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu năm (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.264.747.387	2.227.958.738
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.815.415.023	7.421.436.764
Cộng	5.080.162.410	9.649.395.502

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương đương 16.200.000 Cổ phần. Công ty sở hữu 3.912.482 Cổ phần tương ứng 24% vốn điều lệ theo đăng ký và tương ứng 67% vốn thực góp tại ngày 30/6/2023.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	39.124.823.018	39.124.823.018
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(2.294.747.020)	(2.240.881.206)
Cộng	36.830.075.998	36.883.941.812

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được sử dụng để hợp nhất là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được soát xét.

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	36.883.941.812	36.955.390.111
Lợi nhuận trong kỳ	(53.865.814)	(82.646.222)
Cộng	36.830.075.998	36.872.743.889

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Giang 1.

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để thế chấp

Nhóm Công ty đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà (xem thuyết minh V.18a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	167.101.603.102	172.656.024.601
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.304.238.354	1.304.238.354
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	158.182.594.273	163.358.533.231
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	288.369.957
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	6.182.844
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	357.566.312	447.678.896
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.825.882.302	2.825.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.375.730.088	3.375.730.088
Phải thu các khách hàng khác	61.433.117.881	58.971.048.659
Cộng	228.534.720.983	231.627.073.260

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015	2.997.545.015
Các nhà cung cấp khác	12.041.447.255	11.959.955.055
Cộng	22.424.842.270	22.343.350.070

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	159.332.458	159.332.458
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.659.332.458	2.659.332.458

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.000.000.000	-	-	-
Ông Khiếu Mạnh Tuấn - Tạm ứng	3.000.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	72.519.409.891	(4.479.567.629)	75.061.014.035	(4.225.373.324)
Tạm ứng	35.917.614.536	(254.194.305)	35.825.368.600	-
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	16.662.450.885	-	14.754.613.452	-
Tạm ứng của các nhân viên nghỉ việc	2.553.067.488	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc - tiền lãi cho vay	-	-	7.506.000.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	3.950.257.376	-	3.175.546.084	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	13.436.019.606	(4.225.373.324)	13.799.485.899	(4.225.373.324)
Cộng	75.519.409.891	(4.479.567.629)	75.061.014.035	(4.225.373.324)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	5.433.984.789	(5.421.064.789)	5.533.984.789	(5.533.984.789)
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	789.815.414	(789.815.414)	789.815.414	(789.815.414)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.825.882.302	(2.825.882.302)	2.925.882.302	(2.925.882.302)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.818.287.073	(1.805.367.073)	1.818.287.073	(1.818.287.073)
Các đối tượng khác	23.992.532.413	(22.256.086.186)	22.996.803.515	(20.847.437.288)
Cộng	29.426.517.202	(27.677.150.975)	28.530.788.304	(26.381.422.077)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	26.381.422.077	67.183.111.798
Trích lập dự phòng bổ sung	1.295.728.898	11.363.430.921
Hoàn nhập dự phòng	-	(19.304.052.904)
Số cuối kỳ	27.677.150.975	59.242.489.815

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.521.067.446		4.778.701.256	
Công cụ, dụng cụ	133.477.891		137.083.330	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	151.363.817.319		170.132.506.103	
Công trình thủy điện Xekaman 1	35.236.230.509		35.236.230.509	
Công trình thủy điện Xekaman 3	22.787.531.694		22.787.531.694	
Công trình thủy điện Sanxay	23.259.541.867		29.589.095.120	
Công trình khác	70.080.513.249		82.519.648.780	
Cộng	156.018.362.656		175.048.290.689	

(*) Trong đó, hầu hết các công trình đã hoàn thành bàn giao đang chờ bên giao thầu phê duyệt quyết toán chính thức.

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.380.002	43.380.002
Chi phí bảo hiểm	62.277.223	213.239.452
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.250.000	37.250.000
Cộng	173.907.225	293.869.454

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất (*)	5.948.097.842	6.067.138.432
Chi phí trả trước dài hạn khác	147.551.665	228.034.387
Cộng	6.095.649.507	6.295.172.819

(*) Là tiền thuê đất tại địa chỉ Lô K, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, thời hạn thuê từ ngày 02/07/2008 đến ngày 02/07/2048.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	265.804.892.663	18.076.084.670	72.549.087.380	30.818.205.123	2.373.455.925	389.621.725.761
Số cuối kỳ	265.804.892.663	18.076.084.670	72.549.087.380	30.818.205.123	2.373.455.925	389.621.725.761
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	17.336.964.363	72.461.785.698	30.818.205.123	2.373.455.925	122.990.411.109
Chờ thanh lý				695.617.143	1.886.362.180	2.581.979.323
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	36.014.635.909	17.849.008.039	72.486.062.036	30.818.205.123	2.373.455.925	159.541.367.032
Khấu hao trong kỳ	4.430.081.545	16.596.972	12.471.686	-	-	4.459.150.203
Số cuối kỳ	40.444.717.454	17.865.605.011	72.498.533.722	30.818.205.123	2.373.455.925	164.000.517.235
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	229.790.256.754	227.076.631	63.025.344	-	-	230.080.358.729
Số cuối kỳ	225.360.175.209	210.479.659	50.553.658	-	-	225.621.208.526
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 225.360.175.209 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình và Chi nhánh Hà Giang.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Số cuối kỳ	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán tài sản cố định cho các công ty con. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	252.768.287	262.879.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(5.055.366)	(5.055.366)
Số cuối năm	247.712.921	257.823.653

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	24.675.238.191	24.675.238.191
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.217.157.253	1.217.157.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.406.515.445	1.406.515.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	110.234.772	110.234.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.867.375.822	21.867.375.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	70.826.149	70.826.149
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	657.750	657.750
Phải trả các nhà cung cấp khác	128.587.849.092	134.060.142.346
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.649.976.831	17.649.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	12.571.877.951	12.571.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	17.149.544.884	17.649.544.884
Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Thép Nam Phát	-	9.853.200.000
Các nhà cung cấp khác	81.216.449.426	76.335.542.680
Cộng	153.263.087.283	158.735.380.537

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>57.888.774.639</i>	<i>57.888.774.639</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	52.035.653.577	52.035.653.577
Công ty TNHH điện Xekaman 3	383.500.000	383.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>21.518.490.950</i>	<i>22.058.265.968</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Mu	3.284.400.000	3.284.400.000
B. Fouress Private Limited (BFL)	2.832.855.200	2.832.855.200
Các khách hàng khác	15.401.235.750	15.941.010.768
Cộng	79.407.265.589	79.947.040.607

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.827.253.670	805.497.974	(1.586.917.003)	46.045.834.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.937.010.436	108.216.850	(108.216.850)	9.937.010.436
Thuế thu nhập cá nhân	1.512.283.427	34.173.399	(26.451.499)	1.520.005.327
Thuế tài nguyên	371.716.935	273.403.728	(343.562.755)	301.557.908
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	677.425.532	209.582.604	-	887.008.136
Thuế bảo vệ môi trường	49.783.788	-	(49.783.788)	-
Các loại thuế khác	238.854.677	10.000.000	(10.000.000)	238.854.677
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.946.215.244	221.323.459	(240.828.672)	14.926.710.031
Cộng	74.560.543.709	1.662.198.014	(2.365.760.567)	73.856.981.156

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty mẹ và các Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin khác

Đến ngày 30/6/2023, Công ty vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế đã kê khai với cơ quan thuế đối với các khoản thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các khoản chậm nộp thuế. Công ty vẫn đang bị cưỡng chế hoá đơn.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	33.870.770.831	29.323.619.544
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	25.300.000	25.300.000
Chi phí dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly	31.285.528.215	54.353.383.313
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	22.665.436.180	22.196.707.873
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	953.730.774	915.630.774
Cộng	92.607.142.112	110.621.017.616

17. Phải trả ngắn hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	21.828.294.811	21.877.260.246
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	21.823.794.811	21.872.760.246
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	176.016.224.138	161.127.668.294
Lãi vay phải trả	122.113.365.192	111.544.407.084
Kinh phí công đoàn	2.379.446.722	2.296.331.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	28.717.048.066	27.961.813.231
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.241.073.998	16.720.276.819
Cộng	197.844.518.949	183.004.928.540

17b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	122.113.365.192	111.544.407.084
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	28.717.048.066	27.961.813.231
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.241.073.998	16.720.276.819
Cộng	173.636.777.416	158.831.337.294

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	178.891.186.024	179.391.186.024
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾	150.881.910.986	150.881.910.986
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	28.009.275.038	28.509.275.038
Vay ngắn hạn các cá nhân⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.009.341.077	965.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	11.073.999.992	11.000.000.000
Cộng	190.974.527.093	191.356.527.101

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà theo các hợp đồng sau:
+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-201800163 ngày 27 tháng 6 năm 2018 để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 9,5%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 39.124.820.000 đồng.
+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-202100376 ngày 29 tháng 7 năm 2021 để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 7%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng này là các quyền sử dụng đất tại phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng do UBND quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng mang tên ông Khiếu Mạnh Tuấn và bà Nguyễn Thị Thu Huyền.
- (iii) Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất 20%/năm, thời hạn vay đến 31/12/2023.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	179.391.186.024	-	-	(500.000.000)	178.891.186.024
Vay ngắn hạn các cá nhân	965.341.077	44.000.000	-	-	1.009.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả	11.000.000.000	-	1.993.999.992	(1.920.000.000)	11.073.999.992
Cộng	191.356.527.101	44.000.000	1.993.999.992	(2.420.000.000)	190.974.527.093

18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	83.654.570.853	79.260.570.861
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.993.999.992)	(10.460.000.008)
Số cuối năm	81.660.570.861	68.800.570.853

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.073.999.992	11.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	57.500.000.000	44.000.000.000
Trên 5 năm	24.160.570.861	42.514.570.861
Cộng	92.734.570.853	97.514.570.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình	150.881.910.986	69.771.911.796	150.881.910.986	59.891.984.255
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà	28.009.275.038	10.102.412.808	28.509.275.038	9.133.382.241
Cộng	178.891.186.024	79.874.324.604	179.391.186.024	69.025.366.496

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	264.480.284	(34.700.000)	229.780.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279		1.625.739.279
Cộng	1.890.219.563	(34.700.000)	1.855.519.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(237.991.531.333)	1.303.699.211	(98.883.941.996)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(6.162.132.972)	236.497.360	(5.925.635.612)
Số dư cuối kỳ trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(244.153.664.305)	1.540.196.571	(104.809.577.608)
Kỳ này						
Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(247.891.098.339)	1.102.673.095	(108.984.535.118)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(20.956.197.949)	(708.841.977)	(21.665.039.926)
Số dư cuối kỳ này	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(268.847.296.288)	393.831.118	(130.649.575.044)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	38.556.000.000	38.556.000.000
Các cổ đông khác	44.980.200.000	44.980.200.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	95.463.377.227	95.463.377.227

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 463,53 USD (số đầu năm là 655,83 USD)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu điện thương phẩm	9.592.781.092	12.926.741.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.000.000	304.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	27.342.374.964	37.638.581.813
Cộng	37.037.156.056	50.869.323.143

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	6.019.166.385	4.710.793.290
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	238.873.500
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	26.110.017.320	37.564.609.126
Cộng	32.129.183.705	42.514.275.916

3. Chi phí tài chính

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.474.880.217	12.465.053.673
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	18.278.166
Chi phí tài chính khác	-	70.000.000
Cộng	15.474.880.217	12.553.331.839

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.933.918.876	4.014.876.558
Chi phí vật liệu quản lý	280.959.196	338.761.447
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.842.000	14.707.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	8.500.019
Thuế, phí và lệ phí	11.106.399	10.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	1.295.728.898	(4.804.437.174)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.070.157.643	667.777.141
Các chi phí khác	569.595.029	596.870.888
Cộng	7.170.308.041	847.056.662

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	210.779.609	301.439.981
Chi phí tổn thất không được bảo hiểm bồi thường (*)	3.287.611.871	-
Tiền chậm nộp thuế	4.652.733	573.475.615
Phạt vi phạm hành chính	389.823.663	2.000.000
Cộng	3.892.867.876	876.915.596

- (i) Chi phí tổn thất không được bảo hiểm bồi thường đối với thiệt hại do mưa lũ của Nhà máy thủy điện Nậm Ly I theo thông báo giải quyết tổn thất ngày 7/2/2023 của Công ty Bảo hiểm BIDV Phú Thọ.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.388.376.563	31.011.053.882
Chi phí nhân công	9.263.497.735	15.642.315.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.459.150.203	3.553.428.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.235.059.266	4.738.844.818
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	1.295.728.898	(4.804.437.174)
Chi phí khác	921.389.001	2.630.745.162
Cộng	20.563.201.666	52.771.950.220

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(20.956.197.949)	(6.162.132.972)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(20.956.197.949)	(6.162.132.972)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.353.620	8.353.620
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.509)	(738)

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Nhóm Công ty chỉ phát sinh giao dịch về tạm ứng cho các thành viên Ban điều hành với số tiền là 3.095.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.079.250.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Cam kết bảo lãnh

Ông Khiếu Mạnh Tuấn (Chủ tịch HĐQT) dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD299601, số vào sổ cấp cấp GCN quyền sử dụng đất H0013, địa chỉ lô 42-B8, khu dân cư Hòa Hiệp 2, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng do UBND quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng cấp ngày 28/09/2005 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà (xem thuyết minh số V.18a).

Thu nhập thực nhận của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này			
Ông Trần Thanh Sơn – Chủ tịch HĐQT (đến ngày 29/6/2023)	65.902.145	-	65.902.145
Ông Khiếu Mạnh Tuấn – Chủ tịch HĐQT (từ ngày 06/7/2023)	128.178.155	8.372.726	136.550.881
Ông Lê Trọng Nghĩa – Ủy viên	-	8.409.089	8.409.089
Ông Nguyễn Việt Dũng – Ủy viên	-	8.409.089	8.409.089
Ông Vũ Anh Đoàn – Ủy viên	-	8.409.089	8.409.089
Ông Nguyễn Thế Huỳnh – Thành viên BKS	-	6.306.817	6.306.817
Bà Ninh Thị Thu Huyền – Thành viên BKS	79.202.605	6.143.181	85.345.786
Ông Tạ Hoàng Cường – Trưởng BKS	41.236.037		41.236.037
Ông Phạm Văn Hiện – Kế toán trưởng	91.028.272		91.028.272
Cộng	405.547.213	46.049.991	451.597.204
Kỳ trước			
Ông Trần Thanh Sơn – Chủ tịch HĐQT	69.891.200		69.891.200
Ông Khiếu Mạnh Tuấn – Tổng Giám đốc/Ủy viên	127.456.296	8.663.635	136.119.931
Ông Lê Trọng Nghĩa – Ủy viên	-	8.663.635	8.663.635
Ông Nguyễn Việt Dũng – Ủy viên	-	8.663.635	8.663.635
Ông Vũ Anh Đoàn – Ủy viên	-	8.663.635	8.663.635
Ông Nguyễn Thế Huỳnh – Thành viên BKS	-	6.497.727	6.497.727
Bà Ninh Thị Thu Huyền – Thành viên BKS	80.956.160	6.497.727	87.453.887
Ông Tạ Hoàng Cường – Trưởng BKS	42.381.491		42.381.491
Ông Phạm Văn Hiện – Kế toán trưởng	95.258.146		95.258.146
Cộng	415.943.293	47.649.994	463.593.287

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông lớn (Sở hữu 46,15%)
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Bên liên quan của Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6a, V.13, V.14, V.17a và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực Thủy điện: sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- Lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV ra bên ngoài	27.444.374.964	9.592.781.092	37.037.156.056
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	27.444.374.964	9.592.781.092	37.037.156.056
Giá vốn hàng bán	(26.110.017.320)	(6.019.166.385)	(32.129.183.705)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.098.881.786)	(2.071.426.255)	(7.170.308.041)
Doanh thu hoạt động tài chính	21.686.064	2.278.973	23.965.037
Chi phí tài chính	(10.499.219.739)	(4.975.660.478)	(15.474.880.217)
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	(445.222.535)	(3.447.645.341)	(3.892.867.876)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(14.687.280.352)	(6.918.838.394)	(21.606.118.746)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(53.865.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.055.366)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(21.665.039.926)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CPTT dài hạn	148.109.248	4.430.081.545	4.578.190.793

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV ra bên ngoài	37.942.581.813	12.926.741.330	50.869.323.143
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	37.942.581.813	12.926.741.330	50.869.323.143
Giá vốn hàng bán	(37.803.482.626)	(4.710.793.290)	(42.514.275.916)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(84.799.421)	(762.257.241)	(847.056.662)
Doanh thu hoạt động tài chính	4.575.516	873.654	5.449.170
Chi phí tài chính	(7.440.872.183)	(5.112.459.656)	(12.553.331.839)
Thu nhập khác	78.873.676	-	78.873.676
Chi phí khác	(876.915.596)	-	(876.915.596)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(8.180.038.821)	2.342.104.797	(5.837.934.024)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(82.646.222)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.055.366)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(5.925.635.612)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CPTT dài hạn	148.109.248	4.430.081.545	4.578.190.793

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	563.679.931.267	247.904.021.697	(97.939.123.187)	713.644.829.777
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				39.509.408.456
Tổng tài sản				753.154.238.233
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	730.759.833.352	243.910.206.662	(92.721.746.300)	881.948.293.714
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.855.519.563
Tổng nợ phải trả				883.803.813.277
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	577.415.650.773	259.736.881.720	(86.975.078.619)	750.177.453.874
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				37.341.490.273
Tổng tài sản				787.518.944.147
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	723.532.586.633	248.798.951.462	(75.496.494.396)	896.835.043.699
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				(331.564.434)
Tổng nợ phải trả				896.503.479.265

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Kỳ kế toán 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhóm Công ty tiếp tục lỗ 20.956.197.949 VND, số lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 268.847.296.288 VND và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 320.227.678.231 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của nhóm Công ty. Tuy nhiên, nhóm Công ty vẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên giả thiết hoạt động kinh doanh liên tục vì các lý do sau:

- Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco đang triển khai một số hợp đồng mới. Các hợp đồng này bắt đầu được nghiệm thu thanh toán từ cuối năm 2021 và tiếp tục được thanh toán trong năm 2023.
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco: Trong tổng số nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thì chi phí phải trả ngắn hạn chiếm 49%. Các khoản chi phí này dự kiến chưa phải trả trong vòng 12 tháng tới do chưa có hóa đơn chứng từ.
- Công ty Cổ phần Someco Hà Giang: Hoạt động của Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 đang dần ổn định, dòng tiền từ kinh doanh thủy điện có thể chi trả được các khoản nợ đến hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Chu Trường Giang

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

